TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 49/2020/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 31 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 72/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988;
Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện L1, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1991;
Địa chỉ: Thôn P, xã M, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 23 tháng 7 năm 2020;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 23/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bẩy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Đ tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Đức Đ khẳng định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Thiện Tâm P1, sinh ngày 29/8/2013. Chị H và anh Đ thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Thiện Tâm P1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi. Chị

H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.3. Về phần tài sản: Chị H và anh Đ đều khẳng định không có tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không vướng mắc về tài sản với người khác, ruộng canh tác không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ, (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 003756 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P; chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị Nguyễn Thị Thu H 150.000đ, (một trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên (qua phòng KTNV);
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã M;
(*Số 24 ngày 01/3/2013*)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đình Hiền